

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN TUY PHƯỚC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 87/BC-UBND

Tuy Phước , ngày 23 tháng 6 năm 2014

## BÁO CÁO

### QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013 VÀ THỰC HIỆN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

#### PHẦN THỨ NHẤT

#### A- KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/ 2002/ QH 11, ngày 16/ 12/ 2002;

Thực hiện Nghị định số 60/ 2003/ ND- CP, ngày 06/ 6/ 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 73/ 2003/ ND- CP, ngày 23/ 6/ 2003 của Chính phủ Ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; Thông tư số 59/ 2003/ TT-BTC ngày 23/ 6/ 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/ 2003/ ND-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2013; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước khoá X, kỳ họp lần thứ 5 số 30/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2013 và Nghị quyết số 31/ 2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2013; UBND huyện Tuy Phước ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2013 và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2013 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn huyện quản lý.

Theo Biên bản thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách huyện năm 2013 và dự toán năm 2014 của Sở Tài chính ngày 27/4/2014 và Báo cáo số 54/BC-TCKH ngày 12/6/2014 của Phòng Tài chính – Kế hoạch về việc quyết toán thu, chi ngân sách 2013 và kết quả thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014.

UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện quyết toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2013 và kết quả thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014 với những nội dung cụ thể như sau:

#### I. QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013:

Tổng số quyết toán thu ngân sách nhà nước năm 2013 trên địa bàn huyện Tuy Phước thuộc các cấp ngân sách là: **625.728.939.190 đồng** ( không kể số thu

bổ sung cân đối và có mục tiêu từ ngân sách huyện cho ngân sách xã, thị trấn là: 55.260.985.500 đồng); Kèm theo các phụ lục quyết toán thu ngân sách năm 2013.

Trong đó :	- Số thu phát sinh trên địa bàn :	189.186.050.071 đồng ;
	- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh :	273.797.742.881 đồng ;
	- Thu chuyển nguồn ngân sách :	148.132.388.853 đồng ;
	+ Thuộc ngân sách huyện :	126.094.861.734 đồng .
	+ Thuộc NS xã- thị trấn :	22.037.527.119 đồng .
	- Thu kết dư ngân sách năm trước :	10.701.794.285 đồng .
	+ Kết dư thuộc ngân sách huyện :	7.349.644.280 đồng;
	+ Kết dư thuộc NS xã, thị trấn :	3.352.150.005 đồng .
	- Thu ngân sách cấp dưới nộp lên:	3.910.963.100 đồng .

Tổng số thu phát sinh trên địa bàn sau khi loại trừ một số khoản thu không tính trong chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao như: Các khoản thu thuộc ngân sách Trung ương hưởng, ngân sách Tỉnh hưởng; Thu kết dư ngân sách năm trước; Thu chuyển nguồn năm trước; Thu chuyển giao bổ sung từ ngân sách cấp trên; Thu viện trợ; Thu đóng góp xây dựng CSHT, ghi thu-ghi chi giải phóng mặt bằng xây dựng cơ sở hạ tầng các khu dân cư và các khoản thu để lại đơn vị quản lý chi qua NSNN, thu cấp dưới nộp lên, số còn lại là: **147.523.364.128 đồng**; đạt 135,13% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 105,99% so với dự toán huyện giao; Bao gồm một số khoản thu như sau:

**1 - Thu thuế từ lĩnh vực ngoài quốc doanh:** Tổng số thu thực hiện trong năm: 65.065.346.375 đồng; đạt 114,68% so kế hoạch tỉnh và huyện giao.

Trong đó:

Các khoản thu Cục thuế quản lý là 13.622.240.431 đồng, đạt 218,55% so kế hoạch tỉnh và dự toán huyện giao.

Các khoản thu Chi Cục thuế quản lý là 51.443.105.944 đồng, đạt 102,88% so kế hoạch tỉnh và dự toán huyện giao.

**2 - Thu lệ phí trước bạ :** Số thu trong năm: 5.575.567.481 đồng; đạt 105,2% so kế hoạch tỉnh và dự toán huyện giao.

+ Trong đó : Lệ phí trước bạ Nhà đất thu được 842.941.581 đồng; đạt 122,88% so dự toán huyện giao, Lệ phí trước bạ xe máy: 4.732.625.900 đồng; đạt 102,57% so dự toán huyện giao.

**3 - Thu thuế Nhà đất, phi NN:** Số thu trong năm : 931.648.743 đồng; đạt 104,68% so kế hoạch tỉnh và huyện giao .

**4 - Thu tiền sử dụng đất:** Số thực hiện trong năm: 64.417.440.158 đồng; đạt 214,72% so kế hoạch tỉnh và đạt 107,36% dự toán huyện giao ( bao gồm ghi thu - ghi chi: 9.996.493.000 đồng)

**5 - Thu tiền thuê đất :** Số thực hiện trong năm: 3.146.168.876 đồng; đạt 98,32% so kế hoạch tỉnh và huyện giao.

**6 - Thuế sử dụng đất nông nghiệp :** Số thực hiện : 60.747.652 đồng;

**7 - Thu phí, lệ phí :** Số thực hiện : 1.697.475.898 đồng; đạt 105,8 % so với kế hoạch tỉnh và dự toán huyện giao .

+ Trong đó : Thu Phí , lệ phí thuộc huyện: 708.720.975 đồng, đạt 113,58% so với dự toán huyện giao; Thu Phí, lệ phí thuộc xã, thị trấn: 984.019.871 đồng, đạt 100,82 % so với kế hoạch huyện giao .

**8 - Thu khác ngân sách :** Số thực hiện: 14.358.783.087 đồng; đạt 141,46% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 115,18 % so với dự toán huyện .

+ Trong đó : Thu khác thuộc ngân sách huyện: 407.239.615 đồng đạt 42,87% so với kế hoạch huyện; Thu khác ngân sách xã, thị trấn: 13.951.543.472 đồng, đạt 151,65% so với kế hoạch huyện .

◊ - **Thu kết dư ngân sách :** Số thực hiện : 10.701.794.285 đồng .

Trong đó : + Thu kết dư ngân sách huyện: 7.349.644.280 đồng;

+ Thu kết dư ngân sách xã, thị trấn : 3.352.150.005 đồng .

◊ - **Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước:** Số thực hiện: 148.132.388.853 đồng;

Trong đó : + Thu chuyển nguồn ngân sách huyện: 126.094.861.734 đồng;

+ Thu chuyển nguồn ngân sách xã, TT : 22.037.527.119 đồng

◊ - **Thu bổ sung ngân sách từ ngân sách tỉnh :** 273.797.742.881 đồng.

Trong đó : - Số bổ sung cân đối ngân sách: 105.728.000.000 đồng;

- Số hỗ sung có mục tiêu : 168.069.742.881 đồng.

◊ - **Thu để lại đơn vị quản lý NSNN:** Số thực hiện: 27.525.223.560 đồng;

Trong đó : - Thu thuộc ngân sách huyện quản lý: 25.490.424.847 đồng.

Bao gồm: Thu đóng góp xây dựng CSHT: 11.256.778.020 đồng; Thu học phí: 4.237.153.827 đồng ; Thu tiền sử dụng đất chi bồi thường GPMB qui hoạch khu dân cư: 9.996.493.000 đồng.

- Thu thuộc ngân sách xã, thị trấn quản lý: 2.034.798.713 đồng .

Bao gồm: Thu học phí mẫu giáo: 620.593.001 đồng ; Thu đóng góp xây dựng CSHT: 1.414.205.712 đồng.

◊ - **Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên:** Số thực hiện: 3.910.963.100 đồng, trong đó thu hồi đấu giá QSD đất thị trấn Diêu Trì là 1.362.000.000 đồng, thị trấn Tuy Phước là 1.500.000.000 đồng, nộp trả vốn vay NH PTVN là 748.500.000 đồng, nộp trả đối ứng GPMB từ ngân sách xã, TT là 262.083.000 đồng, Phước Lộc nộp trả kinh phí chi ND 67 và ND 13 còn thừa 38.380.000 đồng;

◊ Trong tổng số quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện là: **625.728.939.190** đồng (Không tính số thu bổ sung cân đối và có mục tiêu từ ngân sách huyện cho ngân sách xã, thị trấn là: 55.260.985.500 đồng), phân chia cho từng cấp ngân sách Nhà nước được hưởng như sau:

- Ngân sách Trung ương : 2.886.445.362 đồng .

- Ngân sách Tỉnh : 11.251.017.021 đồng.

- Ngân sách Huyện : 538.782.199.229 đồng .

- Ngân sách xã-thị trấn : 72.809.277.578 đồng .

Nhìn chung việc huy động các khoản thu vào ngân sách Nhà nước trong năm 2013 trên địa bàn huyện về tổng thể vượt so với kế hoạch tỉnh cũng như dự toán huyện giao. Tuy nhiên, còn một số khoản thu chưa đạt kế hoạch tỉnh và huyện giao như: Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, thu khác ngân sách huyện.

## **II. QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013:**

Tổng quyết toán chi ngân sách địa phương trên địa bàn huyện Tuy Phước năm 2013 là: **652.007.964.185** đồng; đạt 179,73% so kế hoạch tỉnh giao, đạt 163,6% so với dự toán ngân sách địa phương trên địa bàn huyện giao.

+ Trong đó: Chi thuộc phạm vi ngân sách huyện là: 528.508.644.605 đồng, đạt 204,92% so với dự toán huyện; Chi thuộc phạm vi ngân sách xã, thị trấn là: 123.499.319.580 đồng, đạt 160,06 % so với kế hoạch huyện.

### **A/ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**

Tổng số quyết toán chi ngân sách huyện trong năm: **528.508.644.605** đồng, đạt 204,92% so dự toán huyện giao; Cụ thể gồm các khoản chi sau :

#### **1 - Chi đầu tư phát triển :**

Số quyết toán chi trong năm: **50.796.367.980** đồng, đạt 179,49% so dự toán huyện giao.

Cơ bản bám sát theo dự toán kế hoạch vốn và nguồn thu thực tế của địa phương, ưu tiên trả nợ các công trình năm trước; công trình thi công chuyển tiếp và tổ chức thực hiện các công trình khởi công mới thanh toán khối lượng hoàn thành kịp thời đúng tiến độ. Đồng thời tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm, bức xúc.

**2 - Chi thường xuyên :** Tổng số chi trong năm: **254.029.208.939** đồng, đạt 113,29% so dự toán huyện giao, cụ thể như sau:

**2.1- Chi hoạt động sự nghiệp :** Số chi trong năm: 228.143.720.624 đồng đạt 117,94% so với dự toán huyện giao:

+ Trong đó : Chi Sự nghiệp kinh tế (nông, lâm, thủy sản, thủy lợi, giao thông, kiến thiết thị chính và sự nghiệp kinh tế khác): 8.396.207.043 đồng đạt 93,09% so dự toán do chi QH từ tiền sử dụng đất 6.100.000.000 đồng chủ yếu chi tạm ứng chưa quyết toán; Chi SN văn hoá, thông tin: 1.176.605.000 đồng đạt 135,87% so dự toán; Chi SN thể dục, thể thao: 397.780.717 đồng đạt 106,93% so dự toán; Chi SN truyền thanh: 764.224.992 đồng đạt 100,82% so dự toán; Chi SN giáo dục: 169.531.924.881 đồng đạt 92,14% so dự toán (chưa tính số ghi thu, ghi chi học phí 4.237.153.827 đồng); Chi SN đào tạo: 755.705.000 đồng đạt 114,15% so dự toán; Chi SN Khoa học công nghệ: 150.220.000 đồng đạt 75,11% so dự toán; Chi SN môi trường: 556.048.000 đồng đạt 46,34% so dự toán; Chi Văn phòng đăng ký QSD đất: 619.099.000 đồng đạt 137,88% so dự toán ; Hội chữ thập đỏ 358.345.000 đồng, đạt 97,91%; Chi SN đảm bảo xã hội: 45.437.560.991 đồng đạt 4.543,76% so dự toán. do chi trợ cấp các đối tượng bảo trợ xã hội theo ND 67 và 13, ND 49 của Chính phủ và các phát sinh tăng.

2.2- Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể: Số thực hiện chi trong năm: 23.507.774.699 đồng, đạt 106,92% so với dự toán huyện.

+ Trong đó : Chi quản lý Nhà nước: 13.735.325.499 đồng đạt 102,95% so dự toán; Chi khối Đảng Cộng sản Việt Nam: 6.217.953.200 đồng đạt 114,36% so dự toán; Chi khối đoàn thể và tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp: 3.554.496.000 đồng đạt 110,84 % so dự toán huyện giao .

2.3- Chi an ninh - quốc phòng : Số thực hiện chi: 1.691.864.100 đồng đạt 101,31% so dự toán huyện giao.

+ Trong đó : Chi an ninh: 501.349.100 đồng đạt 143,24% so dự toán huyện giao; Chi quốc phòng: 1.190.515.000 đồng đạt 90,19 % so dự toán huyện giao.

2.4- Chi khác ngân sách cho các đơn vị ngoài dự toán: Số thực hiện trong năm : 390.376.667 đồng.

Nhìn chung chi thường xuyên cả năm 2013 tất cả các ngành đều đạt và vượt so dự toán năm. Lý do tăng chi kinh phí thường xuyên là do trong năm 2013 có chi phát sinh các khoản chi phát sinh ngoài dự toán như: chi trợ cấp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 67&13, hỗ trợ cấp bù thủy lợi phí, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hỗ trợ nhà ở người có công cách mạng, chi lương tăng thêm và các khoản phụ cấp theo qui định, mua sắm tài sản, phương tiện làm việc và các khoản phát sinh cần thiết khác .

**3 - Chi bổ sung ngân sách cấp dưới :** Số quyết toán là: 55.260.985.500 đồng, đạt 159,82% so dự toán huyện giao.

Trong đó:

- Chi bổ sung trong cân đối ngân sách theo dự toán: 34.578.000.000 đồng, đạt 100,00% đồng;

Chi bổ sung có mục tiêu: 20.682.985.500 đồng; chủ yếu là kinh phí chi có mục tiêu như: Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông xi măng giao thông nông thôn, hỗ trợ xây dựng nhà làm việc, trụ sở; hỗ trợ kinh phí QH nông thôn mới, khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn, các khoản phụ cấp theo qui định, các chương trình mục tiêu từ ngân sách tỉnh trợ cấp và các khoản chi cần thiết khác....

**4 - Chi nộp ngân sách cấp trên :** Số thực hiện trong năm: **2.253.500.000** đồng về khoản kinh phí mục tiêu lễ hội miền núi năm 2013 không thực hiện 30.000.000 đồng, chi hoàn trả vốn vay xây dựng BTGT nông thôn và KCH kênh mương các xã, thị trấn 748.500.000 đồng, hoàn trả vốn vay ngân hàng 1.475.000.000 đồng.

**5 - Chi chuyển nguồn:** Số chuyển nguồn ngân sách năm sau: **140.678.157.339** đồng( theo Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND huyện Tuy Phước) .

**6 - Chi từ nguồn để lại đơn vị QL chi qua NSNN:** Số thực hiện: **25.490.424.847** đồng .

Trong đó : Quản lý chi đầu tư phát triển XD CB từ nguồn đóng góp XD CSHT: 11.256.778.020 đồng; Chi đầu tư từ nguồn cấp quyền SDĐ( GPMB các

xã, thị trấn): 9.996.493.000 đồng ; Chi cho sự nghiệp giáo dục từ nguồn thu để lại (Học phí): 4.237.153.827 đồng.

## B/ CHI NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN

Tổng số chi ngân sách xã, thị trấn trong năm: **123.499.319.580 đồng**, đạt 160,06% so dự toán huyện giao; Bao gồm các khoản chi sau :

### 1 - Chi đầu tư phát triển :

Tổng số chi trong năm là : **41.136.772.290 đồng**, đạt 160,69% so dự toán huyện giao. Do chi từ nguồn thu bổ sung mục tiêu hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông xi măng giao thông nông thôn, hỗ trợ xây dựng nhà làm việc, trụ sở; hỗ trợ kinh phí QH nông thôn mới nên chi đầu tư trong năm các xã, thị trấn tăng.

**2 - Chi thường xuyên :** Tổng số chi trong năm: **56.812.376.254 đồng**, đạt 114,45% so dự toán huyện giao.

2.1- Chi hoạt động sự nghiệp : Số chi trong năm: 10.362.473.931 đồng, đạt 114,12% so với dự toán huyện giao .

+ Trong đó : Chi sự nghiệp kinh tế ( nông, lâm, thủy sản, thủy lợi, giao thông, kiến thiết thị chính) : 4.384.750.554 đồng đạt 338,33% so dự toán huyện giao, Chi SN văn hoá, thông tin: 818.888.900 đồng đạt 78,36% so dự toán; Chi SN thể dục, thể thao: 843.006.180 đồng đạt 172,04% so dự toán; Chi SN truyền thanh: 1.018.859.986 đồng đạt 258,59% so dự toán; Chi sự nghiệp môi trường: 135.344.000 đồng đạt 33,01% so dự toán; Chi SN giáo dục- đào tạo : 2.279.595.645 đồng đạt 51,21% so dự toán (không tính ghi thu, ghi chi học phí 620.593.001 đồng) ; Chi SN xã hội : 882.028.666 đồng đạt 88,74% so dự toán.

2.2- Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: Số thực hiện chi trong năm: 40.504.876.982 đồng, đạt 106,77% so với dự toán huyện giao.

+ Trong đó : Chi quản lý Nhà nước: 25.428.353.687 đồng đạt 111,93% so dự toán ; Chi Đảng Cộng sản Việt Nam và khối đoàn thể: 13.832.905.930 đồng đạt 351,54% so dự toán; Chi các tổ chức chính trị XH, nghề nghiệp: 1.243.617.365 đồng.

2.3- Chi DQTV - An ninh trật tự: Số thực hiện chi trong năm là: 5.628.950.693 đồng tăng 2 lần so dự toán huyện giao.

+ Trong đó : Chi dân quân tự vệ : 3.113.324.187 đồng tăng 2,4 lần so dự toán ; Chi an ninh trật tự : 2.515.626.506 đồng tăng gần 2,3 lần so dự toán .

2.4- Chi khác ngân sách : Số thực hiện trong năm: 268.649.648 đồng, đạt 92,32% so dự toán huyện giao.

Nhìn chung, trong năm 2013 việc cân đối ngân sách chi thường xuyên cho các xã, thị trấn đều đạt và vượt so dự toán năm. Lý do tăng kinh phí là do trong năm thực hiện chi phát sinh các khoản từ nguồn bổ sung có mục tiêu của tỉnh trợ cấp như: chi khắc phục hạn hán, chi qui hoạch nông thôn mới, chi tiền lương tăng thêm và các khoản phụ cấp theo qui định và các khoản phát sinh bức xúc cần thiết khác .

**3 - Chi nộp ngân sách cấp trên:** Số thực hiện: 3.910.963.100 đồng, trong đó thu hồi đấu giá QSD đất thị trấn Diêu Trì 1.362.000.000 đồng, thị trấn Tuy Phước là 1.500.000.000 đồng, nộp trả vốn vay NH PTVN là 748.500.000 đồng, nộp trả đối ứng GPMB từ ngân sách xã, TT là 262.083.000 đồng, Phước Lộc nộp trả kinh phí chi NĐ 67 và NĐ 13 còn thừa 38.380.000 đồng.

**4 - Chi từ nguồn để lại đơn vị quản lý qua NSNN :** Số thực hiện trong năm: **2.034.798.713 đồng;**

*Trong đó: Chi từ nguồn huy động nhân dân đóng góp để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở các xã, TT là: 1.414.205.712 đồng; Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục ( trả lương mẫu giáo xã, thị trấn): 620.593.001 đồng .*

### C. KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng số kết dư ngân sách chuyển sang năm sau là : **14.844.498.122 đồng.**

*Trong đó :*

**- Kết dư thuộc NS huyện : 10.273.554.624 đồng. Bao gồm:**

- 50% thu vượt năm 2011 về trước còn lại	: 1.928.702.608 đồng ;
- 50% thu vượt năm 2012	: 2.671.706.703 đồng ;
- 50% thu vượt năm 2013	: 4.541.000.000 đồng ;
- Số chi theo dự toán còn lại (hủy bỏ hạn mức)	: 1.132.145.313 đồng ;
<i>Bao gồm:</i> - Văn phòng HĐND & UBND huyện	: 14.257.300 đồng ;
- Sự nghiệp ĐTT huyện	: 13.288.870 đồng ;
- Nguồn sự nghiệp môi trường còn lại:	643.952.000 đồng;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT	: 332.782 đồng ;
- Phòng Tài nguyên & MT huyện	: 500.000 đồng;
- Sự nghiệp Khoa học công nghệ	: 49.780.000 đồng ;
- Sự nghiệp SN giáo dục	: 302.845.483 đồng ;
- Nguồn chi khác NS huyện còn lại	: 107.188.878 đồng.

**- Kết dư ngân sách xã, thị trấn : 4.570.943.498 đồng.**

❖ **Tóm lại :** Trên cơ sở nguồn thu ngân sách phát sinh trên địa bàn thực hiện được và nguồn thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, trong năm 2013 việc quản lý, điều hành chi ngân sách của huyện cũng như ngân sách cấp xã, thị trấn đã đáp ứng được các nhiệm vụ chi theo dự toán đầu năm đề ra; Đồng thời, cũng đáp ứng được một số nhiệm vụ phát sinh mới ngoài kế hoạch theo yêu cầu cần thiết và bức xúc. Trong quá trình quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị bám sát theo dự toán được giao để thực hiện nhiệm vụ thu, chi đảm bảo đúng Luật NSNN và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chi tiêu theo đúng các chế độ quy định hiện hành của Nhà nước. Trong năm 2013 đã phân định rõ nguồn vốn chi đầu tư và nguồn chi thường xuyên nên các xã, thị trấn đã sử dụng nguồn đúng theo qui định Luật ngân sách hiện hành. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý và điều hành ngân sách cấp xã, thị trấn đôi lúc chưa thực sự năng động, linh hoạt, một số khoản chi thực hiện chưa kịp thời, đầy đủ, một số xã, thị trấn nợ vốn đầu tư XDCB còn cao.

## PHẦN THỨ HAI

### I- THỰC HIỆN THU-CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014:

#### 1. Đặc điểm tình hình:

Thực hiện Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2014; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Tuy Phước khoá X, kỳ họp lần thứ 8 số 45/2013/NQ-HĐND ngày 24/12/2013 về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2014 và Nghị quyết số 46/ 2013/NQ-HĐND ngày 24/12/2013 về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2014; UBND huyện Tuy Phước ban hành Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2014 và Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2014 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý; Trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2014 trong điều kiện nền kinh tế của huyện tiếp tục có sự tăng trưởng so với cùng kỳ, các hoạt động văn hóa xã hội tiếp tục có tiến bộ, tuy nhiên quá trình triển khai dự toán đã gặp không ít khó khăn như sản xuất công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, hậu quả lũ lụt năm 2013 gây thiệt hại nặng nề, tình hình thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, vật nuôi luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát, hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp đang trong giai đoạn suy giảm kinh tế nên gặp nhiều khó khăn, đầu ra sản phẩm tiêu thụ chậm ... đồng thời, tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp thực hiện kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện theo đúng chủ trương của Chính phủ. Do đó, công tác thu, chi ngân sách địa phương đã gặp nhiều khó khăn nhất định.

UBND huyện báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác quản lý, điều hành ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2014 như sau :

#### 2. Những kết quả đạt được :

Tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2014 trên địa bàn huyện (không tính thu khác Ngân sách Trung ương, Ngân sách Tỉnh, thu chuyển nguồn, thu kết dư ngân sách, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu viện trợ, thu cấp dưới nộp lên ) là: **60.296 triệu đồng**, đạt 53,61% so với kế hoạch tỉnh giao, đạt 38,12% so với dự toán huyện giao và bằng 95,56% so cùng kỳ năm trước. (Trong đó các khoản thu cân đối NSNN là 59.456 triệu đồng, đạt 53,22% so với kế hoạch tỉnh giao, đạt 37,77% so với dự toán huyện giao và bằng 96,63% so cùng kỳ năm trước).

Tổng số chi ngân sách trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2014 là: **164.742 triệu đồng**, đạt 55,39% so kế hoạch tỉnh và đạt 44,59% dự toán huyện giao và bằng 109,09% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó: Số chi ngân sách huyện 124.675 triệu đồng, đạt 43,33% so dự toán huyện giao và bằng 109,97% so với cùng kỳ; Số chi ngân sách xã, thị trấn là: **40.067 triệu đồng**, đạt 49,9% so kế hoạch huyện giao và bằng 106,44% so với cùng năm trước.

( Kèm theo phụ biểu thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2014 )



### 3. Nhân xét đánh giá :

#### 3.1. Về Thu Ngân sách :

Tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2014 trên địa bàn huyện (không tính thu khác Ngân sách Trung ương, Ngân sách Tỉnh, thu chuyển nguồn, thu kết dư ngân sách, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu viện trợ, thu ngân sách cấp dưới nộp lên ) là: **60.296 triệu đồng**, đạt 53,61% so với kế hoạch tỉnh giao, đạt 38,12% so với dự toán huyện giao và bằng 95,56% so cùng kỳ năm trước, cụ thể các khoản thu như sau :

- **Về thu thuế ngoài quốc doanh** : Số thu ước thực hiện 6 tháng đầu năm là: 31.217 triệu đồng đạt 53,35% so với kế hoạch tỉnh và huyện giao, bằng 125,42% so với cùng kỳ, cụ thể các khoản thu như sau:

Trong đó:

Các khoản thu Cục thuế quản lý là 7.198 triệu đồng đạt 68,46% so với kế hoạch tỉnh giao và dự toán huyện giao, bằng 192,73% so với cùng kỳ.

Các khoản thu Chi cục thuế quản lý là 24.019 triệu đồng đạt 50,04% so với kế hoạch tỉnh và huyện giao, bằng 113,54% so với cùng kỳ, cụ thể:

+ Thu thuế môn bài là: 1.284 triệu đồng đạt 106,98% so với kế hoạch tỉnh, huyện giao, bằng 104,31% so với cùng kỳ;

+ Thu thuế GTGT&TNDN là 21,979 triệu đồng đạt 48,36% so với kế hoạch tỉnh, huyện giao, bằng 112,62% so với cùng kỳ;

+ Thu thuế tài nguyên là 428 triệu đồng đạt 59,46 % so với kế hoạch tỉnh, huyện giao, bằng 253,91% so với cùng kỳ;

+ Thu thuế tiêu thụ đặc biệt là 99 triệu đồng đạt 76,15% so với kế hoạch tỉnh, huyện giao, đạt 128,4% so với cùng kỳ;

+ Thu khác là 229 triệu đồng đạt 45,86% so với kế hoạch tỉnh, huyện giao, bằng 140,67% so với cùng kỳ.

- **Thu lệ phí trước bạ**: Số thực hiện 6 tháng đầu năm là: 3.630 triệu đồng, đạt 69,81% so với kế hoạch tỉnh và huyện giao và bằng 168,71% so với cùng kỳ.

+ Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất thu được 140 triệu đồng đạt 21,54% so dự toán huyện giao và bằng 40,83% so với cùng kỳ.

- **Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế nhà đất**: Số thu 6 tháng đầu năm: 330 triệu đồng, đạt 55% so với kế hoạch tỉnh và huyện giao, bằng 138,42% so với cùng kỳ .

- **Thu tiền sử dụng đất**: Số thu 6 tháng đầu năm: 17.100 triệu đồng, đạt 57% so với kế hoạch tỉnh và đạt 22,8% so dự toán huyện giao, bằng 59,75% so với cùng kỳ.

- **Thu tiền thuê đất, mặt nước**: Số thực hiện 6 tháng đầu năm: 2.101 triệu đồng, đạt 65,66% so với kế hoạch tỉnh và huyện giao, bằng 166,71% so với cùng kỳ.

- **Thuế sử dụng đất nông nghiệp**: Số thực hiện 6 tháng đầu năm là: 0.5 triệu đồng, bằng 9,62% so với cùng kỳ.

- **Thu phí, lệ phí:** Số thực hiện 6 tháng đầu năm: 901 triệu đồng, đạt 56,31% so với kế hoạch tỉnh và dự toán huyện giao, bằng 142,8% so với cùng kỳ.

+ Trong đó: *Phí, lệ phí thuộc huyện: 200 triệu đồng đạt 37,74% so kế hoạch huyện giao; Phí, lệ phí thuộc xã, thị trấn: 701 triệu đồng đạt 65,51% so kế hoạch huyện giao.*

- **Thu khác Ngân sách:** Số thực hiện 6 tháng đầu năm là: 2.797 triệu đồng, đạt 28,25% kế hoạch tỉnh và 24,54% huyện giao, bằng 106,65% so với cùng kỳ.

+ Trong đó: *Thu khác ngân sách thuộc huyện: 350 triệu đồng đạt 50% so với dự toán huyện; Thu khác ngân sách thuộc xã, thị trấn là: 2.447 triệu đồng đạt 26,6% so với kế hoạch tỉnh giao, đạt 22,87% so với kế hoạch huyện giao.*

- **Thu để lại chi quản lý qua NSNN:** Số thực hiện 6 tháng đầu năm là: 840 triệu đồng; đạt 110,53% so với dự toán huyện, bằng 53,5 so với cùng kỳ

- **Thu bổ sung ngân sách từ ngân sách cấp trên:** Số thực hiện là: 104.218 triệu đồng đạt 54,27% so kế hoạch đạt 91,24% so cùng kỳ.

+ Trong đó: *Số bổ sung theo kế hoạch cân đối ngân sách là: 52.860 triệu đồng đạt 50% so kế hoạch; Số bổ sung có mục tiêu: 51.358 triệu đồng.*

Nhìn chung việc huy động các khoản thu vào ngân sách Nhà nước trong 6 tháng đầu năm 2014 trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được yêu cầu so kế hoạch tỉnh cũng như dự toán của huyện giao; Tuy nhiên, việc huy động số thu vào ngân sách một số khoản thu còn thấp như thu tiền sử dụng đất, thu khác ngân sách xã, thị trấn quản lý đạt tỷ lệ còn thấp do công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng còn hạn chế, triển khai thu khác ngân sách còn chậm dẫn đến đạt tỷ lệ còn thấp và giảm so với cùng kỳ. Đồng thời, 6 tháng đầu năm 2014 việc thực hiện ghi thu ngân sách các khoản thu được phép để lại quản lý chi qua NSNN ở Phòng Giáo dục huyện chưa kịp thời.

### 3.2. Về chi ngân sách:

Tổng số chi ngân sách trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2014 là: **164.742 triệu đồng**, đạt 55,39% so kế hoạch tỉnh và đạt 44,59% dự toán huyện giao và bằng 109,09% so cùng kỳ năm trước.

+ Trong đó:

◇ - **Chi ngân sách huyện:** Tổng số chi ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2014 là: 124.675 triệu đồng ( không tính số chi bổ sung xã, thị trấn 21.464 triệu đồng ), đạt 43,933% so với dự toán huyện và bằng 109,97% so cùng kỳ năm trước, cụ thể :

+ **Chi đầu tư phát triển:** Số thực hiện chi là: 10.500 triệu đồng, đạt 21,24% so kế hoạch huyện giao và bằng 134,77% so với cùng kỳ năm trước. Trong 6 tháng đầu năm thực hiện chi đầu tư chủ yếu chi khối lượng hoàn thành năm trước và năm nay công trình xây dựng cơ bản đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai đầu tư các danh mục nên chưa có khối lượng hoàn thành nên số giải ngân trong 6 tháng đầu năm còn thấp.

+ **Chi thường xuyên:** Tổng số chi thực hiện là: 114.000 triệu đồng, đạt 49,08% so dự toán huyện giao và bằng 109,09% so cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Số chi cho sự nghiệp kinh tế là: 2.793 triệu đồng, đạt 37,3% so với dự toán huyện. Chủ yếu chi hỗ trợ cấp bù thủy lợi phí từ nguồn ngân sách cấp trên. Đồng thời, các khoản chi hoạt động sự nghiệp khác đang xây dựng kế hoạch chi cụ thể vào 6 tháng cuối năm 2014.

- Chi sự nghiệp văn xã: Số thực hiện chi là: 97.703 triệu đồng, đạt 50,65% so với dự toán huyện và bằng 107,79% so cùng kỳ năm trước.

+ Trong đó: Chi sự nghiệp văn hoá thông tin 370 triệu đồng đạt 23,07% so dự toán huyện; sự nghiệp thể dục, thể thao 350 triệu đồng đạt 61,3% so dự toán huyện; Sự nghiệp truyền thanh: 337 triệu đồng, đạt 38,12% so dự toán huyện; Chi văn phòng đăng ký QSD đất: 211 triệu đồng, đạt 30,89% so dự toán huyện; Chi sự nghiệp giáo dục: 84.488 triệu đồng, đạt 45,6% so dự toán huyện; Chi sự nghiệp đào tạo: 423 triệu đồng, đạt 50,6% so dự toán huyện; chi Hội chữ thập đỏ 159 triệu đồng, đạt 37,41%; Chi đảm bảo xã hội: 11.042 triệu đồng, đạt 1.104,2% so dự toán huyện do chi trợ cấp các đối tượng theo Nghị định 67&13, chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo (do các khoản này chi từ ngân sách cấp trên bổ sung, không giao dự toán từ đầu năm 2014).

- Chi quản lý hành chính: Số thực hiện chi là: 12.026 triệu đồng, đạt 43,69% so với dự toán huyện và bằng 127,72% so cùng kỳ năm trước.

+ Trong đó: Chi hoạt động quản lý Nhà nước: 5.790 triệu đồng, đạt 36,89% so dự toán huyện; hoạt động khối Đảng Cộng sản Việt Nam: 4.415 triệu đồng đạt 56,97% so dự toán huyện; hoạt động khối đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp: 1.821 triệu đồng, đạt 44,63% so dự toán huyện.

Việc chi quản lý hành chính 6 tháng đầu năm tất cả các ngành, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi cơ bản bám sát dự toán giao, tính toán tự cân đối chi đảm bảo đạt yêu cầu nhiệm vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy Nhà nước .

- Chi An ninh- Quốc phòng: Số thực hiện chi là: 1.478 triệu đồng, đạt 69,72% so dự toán huyện, bằng 133,39% so cùng kỳ.

+ Trong đó : Kinh phí An ninh ( Công an ): 308 triệu đồng, đạt 154% so dự toán huyện, do khoản chi hoạt động ATGT không bố trí dự toán đầu năm; Kinh phí Quốc phòng ( Huyện đội ): 1.170 triệu đồng đạt 60,94% so dự toán huyện .

+ Chi bổ sung ngân sách xã, thị trấn: Số thực hiện chi là: 21.464 triệu đồng, đạt 63,18% so dự toán huyện giao, bằng 106,98% so cùng kỳ năm trước .

Trong đó: Chi bổ sung theo cân đối ngân sách: 17.060 triệu đồng, đạt 50% so dự toán huyện; Chi bổ sung có mục tiêu: 4.404 triệu đồng ( kinh phí hỗ trợ xây dựng trụ sở thôn Lục lễ, Tuân Lễ xã Phước Hiệp, quy hoạch trung tâm xã Phước Thắng; hỗ trợ hỗ trợ tiêu hủy xác động vật xã Phước Hòa, hỗ trợ các gia đình khắc phục hậu quả lũ lụt tháng 11/2013).

◇ - Chi ngân sách xã, thị trấn: Tổng số chi ngân sách xã, thị trấn 6 tháng đầu năm 2014 là: 40.067 triệu đồng, đạt 49,9% so với dự toán huyện giao, bằng 106,44% so cùng kỳ.



Trong đó: chi đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 8.000 triệu đồng đạt 26,4% so với dự toán huyện giao, chi thường xuyên 6 tháng đầu năm 31.402 triệu đồng đạt 62,81% so với dự toán huyện, chi để lại quản lý ngân sách 665 triệu đồng.

( Có phụ lục tổng hợp thực hiện chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2014 của 13 xã, thị trấn kèm theo).

❖ **Tóm lại:** Trên cơ sở số thu ngân sách thực hiện được phân cấp và nguồn thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, trong 6 tháng đầu năm 2014 việc quản lý, điều hành chi ngân sách của huyện về cơ bản đáp ứng được các nhiệm vụ chi theo dự toán đầu năm và một số khoản chi điều chỉnh, bổ sung phát sinh ngoài kế hoạch. Trong quá trình điều hành thực hiện chi ngân sách các cơ quan đơn vị đã bám sát theo dự toán được giao, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và chi tiêu theo đúng các chế độ hiện hành của Nhà nước.

## **II- BIỆN PHÁP ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2014**

### **1. Dự kiến thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm và cả năm 2014:**

Ước tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng cuối năm và cả năm 2014 trên địa bàn huyện ( không tính thu khác Ngân sách Trung ương, Ngân sách Tỉnh, thu chuyển nguồn, thu kết dư ngân sách, thu viện trợ, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu cấp dưới nộp lên ) là: **159.987 triệu đồng**, đạt 142,2% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 101,1% so với dự toán huyện giao .

Ước tổng số chi ngân sách huyện 6 tháng cuối năm và cả năm 2014 là: **425.985 triệu đồng** ( không tính số chi bổ sung xã, thị trấn), đạt 148,04% so dự toán huyện giao.

( Có bảng dự kiến ước thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm và cả năm 2014 kèm theo ).

### **2. Biện pháp chủ yếu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm :**

#### **2.1 - Về thu :**

- Tiếp tục triển khai các giải pháp, biện pháp tăng thu ngân sách, bảo đảm đạt dự toán đã giao. Tăng cường các biện pháp nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra, đôn đốc huy động các nguồn thu còn đạt thấp, thu nợ các đối tượng, các khoản thu còn tồn đọng và các khoản thu phát sinh. Đẩy mạnh tiến độ đấu giá QSD đất đối với các xã, thị trấn để tăng cường nguồn lực đầu tư phát triển theo kế hoạch; Rà soát việc lập bộ và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ trước đến nay trên địa bàn huyện; Các xã, thị trấn tăng cường quản lý các nguồn thu đã phân cấp, thu nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất còn tồn đọng các năm trước, thu đấu giá quỹ đất dự phòng, công ích và các khoản thu phát sinh khác để bảo đảm nguồn chi đã cân đối chi năm 2014. Riêng về thu ngân sách huyện, cần có kế hoạch đấu giá Quyền sử dụng đất, Quỹ đất Khu Thương mại - Dịch vụ trước nhà máy xi măng Điều Trì còn lại, và Quỹ đất Khu dân cư chợ Điều Trì mới, chợ Kỳ Sơn cũ của Phước Sơn để bảo đảm cân đối đủ nguồn vốn đầu tư theo kế hoạch năm 2014 và chuẩn bị đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội năm 2015;

- Tiếp tục chỉ đạo các ngành chức năng, các cấp chính quyền, nhất là UBND các xã, thị trấn huy động một cách có hiệu quả các nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn khẩn trương hoàn thành thủ tục tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất và xét cấp đất cho dân để huy động khoản thu này kịp thời vào ngân sách.

- Đối với khoản thu lệ phí trước bạ chỉ đạo cơ quan thu ngoài việc khai thác nguồn thu trong huyện, tiếp tục tăng cường công tác phối hợp các đơn vị ngoài huyện khai thác nguồn thu này vào ngân sách nhằm bù đắp các khoản thu khác để đảm bảo cân đối chi ngân sách theo kế hoạch đề ra.

- Đối với các khoản thu khác như: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ( và nợ thuế nhà đất), Tiền thuê đất, Thuế chuyển quyền sử dụng đất v.v ... , chỉ đạo cơ quan thu rà soát lại các khoản nợ đọng từ năm 2006 trở về trước ( nhất là Thuế nhà đất, tiền thuê đất ) cùng với số lập bộ thu năm 2014, có kế hoạch triển khai thu nợ đọng và các khoản phát sinh kịp thời vào ngân sách Nhà nước .

- Chỉ đạo các ngành, UBND các xã, thị trấn cần có biện pháp xử lý nghiêm theo đúng Luật định đối với các trường hợp nợ thuế dây dưa, chây ì. Quản lý và huy động tối đa tất cả các khoản thu phí, lệ phí và các khoản thu khác, các khoản thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng khai thác khoáng sản, thu suất đầu tư tại cụm CN-TTCN Phước An giai đoạn I hiện còn nợ ... theo đúng quy định vào ngân sách Nhà nước; Đối với các nguồn thu được phép để lại chi quản lý qua NSNN tiến hành ghi thu- ghi chi vào ngân sách kịp thời các khoản phát sinh theo tháng, quý không được để dồn vào cuối năm.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn tăng cường thu Quỹ Quốc phòng - An ninh để bổ sung các nhiệm vụ chi về Quốc phòng - An ninh trên địa bàn và quản lý sử dụng nguồn thu Quỹ bảo trì đường bộ hiệu quả.

- Huy động các khoản thu hồi tạm ứng ngân sách huyện và các khoản nộp ngân sách huyện.

## 2.2 - Về chi :

Tình hình chi Ngân sách 6 tháng cuối năm 2014 trong điều kiện SXKD của các DN chưa thoát hẳn suy giảm kinh tế số thuế kê đọng còn lớn và một số nguồn thu dự báo giảm. Do đó chi ngân sách chắc chắn sẽ gặp không ít khó khăn; vì vậy, để đảm bảo được cân đối chi theo dự toán đầu năm của các cấp ngân sách và những nhu cầu chi phát sinh cần thực hiện một số công việc sau:

- *Chi đầu tư phát triển*: Phát huy hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn đầu tư, góp phần tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn. Khẩn trương hoàn thành các thủ tục để tổ chức triển khai thi công công trình kịp thời, khối lượng sau khi thực hiện xong, trên cơ sở nguồn thu thực hiện được tiến hành giải ngân, cấp phát thanh toán kịp thời theo kế hoạch vốn và danh mục đầu tư đã bố trí, tránh tình trạng để dồn vào cuối năm làm ảnh hưởng đến việc điều hành ngân sách.

- *Về chi thường xuyên*: Trên cơ sở dự toán ngân sách được UBND huyện phê duyệt giao các xã, thị trấn và các đơn vị dự toán; căn cứ vào nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình và kinh phí được cân đối còn lại 6 tháng cuối năm (sau khi đã trừ các khoản tiết kiệm), các đơn vị xây dựng kế hoạch chi nhằm đảm bảo cho mọi

hoạt động hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; Lưu ý ưu tiên cho việc chi trả lương, chi trả sinh hoạt phí và các khoản chi cần thiết cho hoạt động của bộ máy xã, thị trấn và các đơn vị dự toán; Đồng thời, để đảm bảo đủ nguồn kinh phí thực hiện cơ chế tiền lương mới theo kế hoạch tỉnh giao, cần phải duy trì việc để lại: 50% chênh lệch nguồn tăng thu giữa dự toán cấp trên giao và dự toán đơn vị xây dựng; 50% số thực hiện vượt dự toán năm của các cấp ngân sách; 40% nguồn thu để lại đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu và thực hiện việc giữ lại 10% tiết kiệm chi của các đơn vị dự toán thụ hưởng ngân sách, để tiếp tục thực hiện lộ trình cải cách tiền lương tăng thêm theo quy định. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn trong quá trình quản lý, điều hành ngân sách phải để lại 50% từ nguồn thu vượt năm 2013, để thực hiện cải cách tiền lương theo qui định, 50% còn lại đơn vị để lại kết dư ngân sách dự phòng khả năng nguồn thu trong năm 2014 không đạt kế hoạch, để chi các khoản phát sinh bức xúc cần thiết khác.

- Về chi bổ sung ngân sách cấp dưới: Căn cứ số bổ sung ngân sách cấp dưới các xã, thị trấn đã cân đối thực hiện rút dự toán đúng tiến độ. Ngoài ra, còn có phát sinh các khoản trợ cấp khác như: Hỗ trợ XD trụ sở thôn, hỗ trợ gia cố đê, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, xây dựng nhà làm việc và các khoản cần thiết bức xúc khác phải hỗ trợ kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc cân đối chi ngân sách của cấp xã, thị trấn .

- Về dự phòng chi: Chỉ được sử dụng cho các khoản chi cấp bách về khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, tai nạn; dịch bệnh và các nhiệm vụ cần thiết khác ngoài dự toán giao về An ninh - Quốc phòng phát sinh trên địa bàn.

Trên cơ sở nguồn thu trên địa bàn được phân cấp và nguồn thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên, thực hiện việc quản lý và điều hành ngân sách đảm bảo chi tiêu theo đúng các chế độ quy định hiện hành; Thực hiện tốt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; không được phô trương hình thức, tăng cường công tác bảo quản tài sản công và hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh ngoài kế hoạch và các khoản chi hỗ trợ không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, xã, thị trấn. Nếu 6 tháng cuối năm 2014 các khoản hụt thu không được ngân sách cấp trên cấp bổ sung hoặc không có những khoản tăng thu bù đắp, đề nghị điều chỉnh dự toán năm 2014 theo hướng giảm chi tương ứng những khoản chi chưa thực sự bức xúc, cần thiết .

### **3 - Một số chương trình công tác khác:**

- Tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/ 2005/ NĐ- CP ngày 17/ 10/ 2005 của Chính phủ và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ về tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/ 2006/ NĐ- CP ngày 25/ 4/ 2006 của Chính phủ; Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc huyện, UBND các xã- thị trấn quản lý, sử dụng kinh phí chi tiêu thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, phô trương, hình thức; Tiến hành xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị mình theo đúng quy định hiện hành và thực hiện tiết kiệm theo qui định.

- Tập trung chỉ đạo các phòng, ban thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư XD/CB các công trình xây dựng cơ bản đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định, chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hoàn chỉnh hệ thống biểu mẫu tham mưu cho UBND huyện ban hành quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2013 theo đúng Luật định, sau khi HĐND huyện chuẩn y phê duyệt.

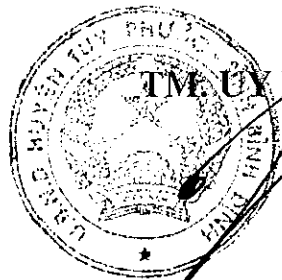
- Tăng cường công tác chỉ đạo các ban ngành, phối kết hợp khai thác triệt để các khoản thu vào ngân sách Nhà nước, đặc biệt là các nguồn thu ngoài địa bàn và các loại phí, quỹ của địa phương. Đồng thời, chỉ đạo cho 03 xã Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận có chủ trương, biện pháp thu nợ trong dân về khoản tiền vay khắc phục bão lụt do cơn bão số 8 gây ra đã quá hạn trả. Trên cơ sở đó mới đảm bảo được cân đối thu - chi ngân sách của các cấp, các ngành trong năm 2014.

- Tăng cường phối hợp các hoạt động tài chính, quản lý tài sản, quản lý đăng ký kinh doanh ... để góp phần bảo đảm các nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao.

❖ **Tóm lại:** Trên đây là báo cáo một số kết quả công tác quyết toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2013; Đồng thời, khái quát tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2014, dự kiến kế hoạch thu - chi ngân sách địa phương 6 tháng cuối năm và cả năm 2014. Đề ra một số biện pháp quản lý, điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm và cả năm 2014; nhằm đảm bảo cho việc hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đã đề ra trong năm 2014 nói chung và 6 tháng cuối năm 2014 nói riêng; Ngoài việc chỉ đạo, quản lý, điều hành của UBND huyện cần có sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện; đồng thời phải có sự phối kết hợp thực hiện các cấp, các ngành của tỉnh, huyện; nhất là sự chủ động, nỗ lực của cơ quan thu, các cơ quan phối hợp thu, UBND các xã, thị trấn thì mới hoàn thành tốt được nhiệm vụ ngân sách năm 2014.

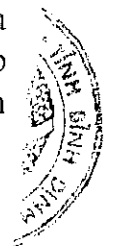
*Handwritten signature*  
**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- LĐ VP HĐND&UBND huyện;
- LĐ Tài chính, K.bạc, CC thuế huyện;
- UBND xã, TT;
- Lưu: VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Huệ**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013**

Đơn vị tính: đồng

S T T A	Nội dung chi B	Chi NS	Chi NS
		cấp huyện (4)	xã (5)
<b>I</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>	<b>445.503.734.258</b>	<b>117.553.557.767</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>50.796.367.980</b>	<b>41.136.772.290</b>
1.1	Chi đầu tư XDCB	50.796.367.980	41.136.772.290
	Tr.đó: + Chi GD-ĐT và dạy nghề + Chi Khoa học và công nghệ	4.171.526.000	2.492.150.130
1.1.01	Chi đầu tư XDCB tập trung	50.796.367.980	41.136.772.290
	- Nguồn cấp quyền sử dụng đất	44.468.572.980	41.136.772.290
	- Nguồn vốn cấp trên	6.327.795.000	
	- Nguồn đóng góp		
	- Nguồn kết dư		
1.1.02	Chi đầu tư từ nguồn huy động đầu tư theo Khoản 3		
1.1.04	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác		0
1.2	Đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp theo chế độ		
<b>2</b>	<b>Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN</b>		
<b>3</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>254.029.208.939</b>	<b>56.812.376.254</b>
3.1	Chi quốc phòng	1.190.515.000	3.113.324.187
3.2	Chi an ninh	501.349.100	2.515.626.506
3.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	170.287.629.881	2.279.559.645
3.3.01	Chi sự nghiệp giáo dục	169.531.924.881	2.279.559.645
3.3.02	Chi sự nghiệp đào tạo	755.705.000	
3.4	Chi sự nghiệp y tế	0	47.461.000
3.5	Chi Hội chữ thập đỏ	358.345.000	
3.6	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	150.220.000	0
3.7	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	1.176.605.000	818.888.900
3.8	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	764.224.992	1.018.859.986
3.9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	397.780.717	843.006.180
3.10	Chi sự nghiệp hoạt động môi trường	556.048.000	135.344.000
3.11	Ban quản lý các cụm công nghiệp	295.472.849	
3.12	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	619.099.000	
3.13	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	45.437.560.991	882.028.666
3.14	Chi sự nghiệp kinh tế	8.396.207.043	4.384.750.554
3.15.01	Chi sự nghiệp nông nghiệp ( trạm khuyến nông)	981.680.130	2.606.659.018
3.15.02	Chi sự nghiệp thủy sản	0	49.483.600
3.15.03	Chi sự nghiệp thủy lợi	4.842.000.000	
3.15.04	Chi sự nghiệp giao thông		861.520.750



S T T	Nội dung chi		
		Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
A	B	(4)	(5)
3.15.05	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	635.122.913	
3.15.06	Chi QH từ tiền sử dụng đất	1.400.000.000	
3.15.07	Chi sự nghiệp kinh tế khác		867.087.186
3.15.08	Trung tâm phát triển Quỹ đất	537.404.000	
3.16	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	23.507.774.699	40.504.876.982
3.16.01	Chi quản lý nhà nước	13.735.325.499	25.428.353.687
3.16.02	Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị	6.217.953.200	13.832.905.930
3.16.03	Chi hoạt động hội, đoàn thể	3.554.496.000	1.243.617.365
	+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1.129.599.000	
	+ Hội Cựu chiến binh	406.931.000	
	+ Hội Nông dân	657.777.000	
	+ Hội Liên hiệp Phụ nữ	607.655.000	
	+ Huyện đoàn	752.534.000	
3.17	Chi khác ngân sách	390.376.667	268.649.648
3.17.01	Chi trả các khoản thu	62.635.667	1.955.200
3.17.02	Hỗ trợ khác	327.741.000	184.735.030
3.17.03	Chi khác còn lại		81.959.418
<b>4</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>5</b>	<b>Dự phòng chi</b>		
<b>6</b>	<b>Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau</b>	<b>140.678.157.339</b>	<b>19.604.409.223</b>
<b>II</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QL QUA NSNN<sup>(1)</sup></b>	<b>25.490.424.847</b>	<b>2.034.798.713</b>
1	Học phí	4.237.153.827	620.593.001
2	Đóng góp của nhân dân xây dựng cơ sở hạ tầng	11.256.778.020	1.414.205.712
3	Bồi thường GPMB qui hoạch khu dân cư các xã	9.996.493.000	
<b>III</b>	<b>CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>2.253.500.000</b>	<b>3.910.963.100</b>
<b>IV</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>	<b>55.260.985.500</b>	<b>0</b>
1	Bổ sung cân đối	34.578.000.000	
2	Bổ sung có mục tiêu	20.682.985.500	
	Tr. đó: - Mục tiêu phát triển KT-XH	20.682.985.500	
	- Bằng nguồn vốn ngoài nước		
	<b>TỔNG SỐ (I + II + III + IV)</b>	<b>528.508.644.605</b>	<b>123.499.319.580</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2013**

Đơn vị tính : đồng

S TT	Nội dung	Quyết toán năm 2013
A	B	2
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>680.989.924.690</b>
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	680.989.924.690
2	Thu từ dầu thô	
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	
4	Thu viện trợ không hoàn lại	
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách huyện</b>	<b>538.782.199.229</b>
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	127.628.987.234
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	39.755.557.726
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	87.873.429.508
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	273.797.742.881
	- Bổ sung cân đối	105.728.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	168.069.742.881
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	
	Trong đó: vốn XDCB ngoài nước	0
4	Thu kết dư năm trước	7.349.644.280
5	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	126.094.861.734
6	Thu nộp ngân sách cấp trên	3.910.963.100
<b>C</b>	<b>Chi ngân sách huyện</b>	<b>528.508.644.605</b>
1	Chi đầu tư phát triển	50.796.367.980
2	Chi thường xuyên	254.029.208.939
3	Chi chuyên nguồn ngân sách sang năm sau	140.678.157.339
4	NSNN	25.490.424.847
5	Chi nộp ngân sách cấp trên	2.253.500.000
6	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	55.260.985.500
	- Bổ sung cân đối	34.578.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	20.682.985.500
7	Dự phòng	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THỊ TRẤN NĂM 2013**

Đơn vị tính: đồng

S TT	Nội dung	Quyết toán năm 2013
A	B	2
<b>A</b>	<b>Ngân sách cấp huyện</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách cấp huyện</b>	<b>538.782.199.229</b>
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	127.628.987.234
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%	39.755.557.726
	- Các khoản thu phân chia NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	87.873.429.508
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	273.797.742.881
	- Bổ sung cân đối	105.728.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	168.069.742.881
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN	
	Trong đó: vốn XD CB ngoài nước	
4	Thu kết dư năm trước	7.349.644.280
5	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	126.094.861.734
6	Thu nộp ngân sách cấp trên	3.910.963.100
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp huyện</b>	<b>528.160.644.605</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	472.899.659.105
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	55.260.985.500
	- Bổ sung cân đối	34.578.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	20.682.985.500
	Trong đó: vốn XD CB ngoài nước	0
<b>B</b>	<b>Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn</b>	<b>128.070.263.078</b>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	47.419.600.454
	- Các khoản thu NS xã hưởng 100%	19.808.800.032
	- Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	27.610.800.422
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	55.260.985.500
	- Bổ sung cân đối	34.578.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	20.682.985.500
3	Thu kết dư ngân sách năm trước	3.352.150.005
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	22.037.527.119
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách xã, phường, thị trấn</b>	<b>123.499.319.580</b>

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014 HUYỆN TUY PHƯỚC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung thu	Dự toán năm 2014		Thực hiện 6 tháng	So sánh % TH/DT		So sánh cùng kỳ
		Tỉnh giao	Huyện giao		KH tỉnh	DT huyện	
<b>I</b>	<b>Tổng thu NS trên địa bàn huyện</b>	<b>112.474</b>	<b>158.174</b>	<b>60.296</b>	<b>53,61</b>	<b>38,12</b>	<b>95,56</b>
<b>A</b>	<b>Các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>111.714</b>	<b>157.414</b>	<b>59.456</b>	<b>53,22</b>	<b>37,77</b>	<b>96,63</b>
1	Thu thuế từ lĩnh vực NQD	58.514	58.514	31.217	53,35	53,35	125,42
1.1	Cục thuế quản lý	10.514	10.514	7.198	68,46	68,46	192,73
	- Thuế Môn bài	45	45	28	62,22	62,22	116,67
	- Thuế GTGT & TNDN	9.700	9.700	6.167	63,58	63,58	188,40
	- Thuế Tài nguyên	123	123	541	439,84	439,84	123,69
	- Thu khác	100	100	0	0,00	0,00	
	- Phí BVMT	546	546	462	84,62	84,62	
1.2	Chi cục thuế quản lý	48.000	48.000	24.019	50,04	50,04	113,54
	- Thuế Môn bài	1.200	1.200	1.284	106,98	106,98	104,31
	- Thuế GTGT & TNDN	45.450	45.450	21.979	48,36	48,36	112,62
	- Thuế Tài nguyên	720	720	428	59,46	59,46	253,91
	- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	130	130	99	76,15	76,15	128,40
	- Thu khác	500	500	229	45,86	45,86	140,67
2	Lệ phí trước bạ	5.200	5.200	3.630	69,81	69,81	168,71
	Tr.đó: Lệ phí trước bạ Nhà, đất	650	650	140	21,54	21,54	40,83
3	Thuế sử dụng đất NN	0	0	0,5			9,62
4	Thuế nhà đất, phi NN	600	600	330	55,00	55,00	138,42
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.900	1.900	1.380	72,63	72,63	124,50
6	Tiền thuê đất, mặt nước	4.000	3.200	2.101	52,53	65,66	166,52
7	Thu tiền sử dụng đất	30.000	75.000	17.100	57,00	22,80	59,75
8	Thu phí và lệ phí	1.600	1.600	901	56,31	56,31	142,80
	Tr.đó: - Phí, lệ phí huyện	530	530	200	37,74	37,74	66,23
	- Phí, lệ phí xã - thị trấn	1.070	1.070	701	65,51	65,51	213,09
9	Thu khác ngân sách	9.900	11.400	2.797	28,25	24,54	106,65
	Tr.đó: - Thu khác huyện	700	700	350	50,00	50,00	484,76
	- Thu khác xã, thị trấn	9.200	10.700	2.447	26,60	22,87	95,95
<b>B</b>	<b>Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>	<b>760</b>	<b>760</b>	<b>840</b>	<b>110,53</b>	<b>110,53</b>	<b>53,50</b>
	- Thu học phí	760	760		0,00	0,00	
	- Huy động nhân dân đóng góp			840			53,50
<b>II</b>	<b>Thu viên trợ không hoàn lại</b>						
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung NS cấp trên</b>	<b>192.032</b>	<b>192.032</b>	<b>104.218</b>	<b>0,00</b>	<b>54,27</b>	<b>91,24</b>
	Tr.đó: - Bổ sung cân đối	105.728	105.728	52.860		50,00	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	86.304	86.304	51.358			83,70
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>0</b>		<b>160.283</b>			<b>127,11</b>
	<b>TỔNG SỐ (I+II+III+IV)</b>	<b>304.506</b>	<b>350.206</b>	<b>324.797</b>	<b>106,7</b>	<b>92,74</b>	<b>107,05</b>

**DỰ KIẾN ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
6 THÁNG CUỐI NĂM VÀ CẢ NĂM 2014 HUYỆN TUY PHƯỚC**

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Nội dung thu	Dự toán năm 2014		Ước thực hiện năm 2014			Tỷ lệ % TH/DT	
		tỉnh giao	huyện giao	6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Ước TH cả năm	KH tỉnh	ĐT huyện
<b>I</b>	<b>Tổng thu NS trên địa bàn huyện</b>	<b>112.474</b>	<b>158.174</b>	<b>60.296</b>	<b>99.691</b>	<b>159.987</b>	<b>142,2</b>	<b>101,1</b>
<b>A</b>	<b>Các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>111.714</b>	<b>157.414</b>	<b>59.456</b>	<b>98.931</b>	<b>158.387</b>	<b>141,8</b>	<b>100,6</b>
1	Thu thuế từ lĩnh vực NQD	58.514	58.514	31.217	27.920	59.137	101,1	101,1
1.1	Cục thuế quản lý	10.514	10.514	7.198	3.758	10.956	104,2	104,2
	- Thuế Môn bài	45	45	28	20	48	106,7	106,7
	- Thuế GTGT & TNDN	9.700	9.700	6.167	4.000	10.167	104,8	104,8
	- Thuế Tài nguyên	123	123	541	100	641	521,1	521,1
	- Thu khác	100	100	0	100	100	100,0	100,0
	- Phí BVMT	546	546	462	100	562		
1.2	Chi cục thuế quản lý	48.000	48.000	24.019	24.162	48.181	100,4	100,4
	- Thuế Môn bài	1.200	1.200	1.284	84	1.368	114,0	114,0
	- Thuế GTGT & TNDN	45.450	45.450	21.979	23.471	45.450	100,0	100,0
	- Thuế Tài nguyên	720	720	428	297	725	100,7	100,7
	- Thuế Tiền thu đất biệt	130	130	99	35	134	103,1	103,1
	- Thu khác	500	500	229	275	504	100,9	100,9
2	Lệ phí trước bạ	5.200	5.200	3.630	1.670	5.300	101,9	101,9
	Tr.đó: Lệ phí trước bạ Nhà, đất	650	650	140	510	650	100,0	100,0
3	Thuế sử dụng đất NN	0	0	0,5	10	11		
4	Thuế nhà đất, phi NN	600	600	330	270	600	100,0	100,0
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.900	1.900	1.380	700	2.080	109,5	109,5
6	Tiền thuê đất, mặt nước	4.000	3.200	2.101	1.109	3.210	80,3	100,3
7	Thu tiền sử dụng đất	30.000	75.000	17.100	57.900	75.000	250,0	100,0
8	Thu phí và lệ phí	1.600	1.600	901	699	1.600	100,0	100,0
	Tr.đó: - Phí, lệ phí huyện	530	530	200	424	624	117,7	117,7
	- Phí, lệ phí xã - thị trấn	1.070	1.070	701	275	976	91,2	91,2
9	Thu khác ngân sách	9.900	11.400	2.797	8.653	11.450	115,7	100,4
	Tr.đó: - Thu khác huyện	700	700	350	400	750	107,1	107,1
	- Thu khác xã, thị trấn	9.200	10.700	2.447	8.253	10.700	116,3	100,0
<b>B</b>	<b>Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>	<b>760</b>	<b>760</b>	<b>840</b>	<b>760,0</b>	<b>1.600</b>	<b>210,5</b>	<b>210,5</b>
	- Thu học phí	760	760		760	760	100,0	100,0
	- Huy động nhân dân đóng góp			840	0,0	840		
<b>II</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>				<b>15.192</b>	<b>15.192</b>		
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung NS cấp trên</b>	<b>192.032</b>	<b>192.032</b>	<b>104.218</b>	<b>107.814,0</b>	<b>212.032</b>	<b>110,4</b>	<b>110,4</b>
	Tr.đó: - Bổ sung cân đối	105.728	105.728	52.860	52.868	105.728	100,0	100,0
	- Bổ sung có mục tiêu	86.304	86.304	51.358	54.946	106.304	123,2	123,2
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>			<b>160.283</b>		<b>160.283</b>		
	<b>TỔNG SỐ (I+II+III)</b>	<b>198.778</b>	<b>244.478</b>	<b>271.937</b>	<b>169.829</b>	<b>441.766</b>	<b>222,24</b>	<b>180,70</b>

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN  
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số T T	Nội dung chi	Dự toán năm 2014				Thực hiện 6 tháng đầu năm	Tỷ lệ % so sánh	
		Dự toán đầu năm	Dự kiến điều chỉnh		Tổng dự toán		TH/ DT	TH/ Cùng kỳ
			tăng	giảm				
A	B	1	2	3	4=1+2-3	5	6=(5/1)	7
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>287.758</b>	<b>138.727</b>	<b>500</b>	<b>425.985</b>	<b>124.675</b>	<b>43,33</b>	<b>109,97</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>49.438</b>	<b>84.835</b>	<b>0</b>	<b>134.273</b>	<b>10.500</b>	<b>21,24</b>	<b>134,77</b>
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất	41.000	10.000		51.000	9.143	22,30	1.121,8
2	Nguồn chuyển nguồn		64.835		64.835	900		
3	Nguồn kết dư				0			
4	Nguồn đầu tư từ NS tỉnh	8.438			8.438	457		
5	Nguồn khác	0	10.000	0	10.000	0		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>232.280</b>	<b>52.807</b>	<b>500</b>	<b>284.587</b>	<b>114.000</b>	<b>49,08</b>	<b>109,09</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>7.487</b>	<b>10.812</b>	<b>0</b>	<b>18.299</b>	<b>2.793</b>	<b>37,30</b>	<b>95,10</b>
	- Tram khuyến nông - kinh tế	850	5.947		6.797	191	22,47	151,59
	- Sự nghiệp giao thông	250			250		0,00	
	- Sự nghiệp thủy lợi	100	4.842		4.942	1.830	1.830,00	
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	950	19		969	355	37,37	65,38
	- Sự nghiệp kinh tế khác	720			720		0,00	
	- Chi quy hoạch	3.700			3.700		0,00	
	- Ban QL các cụm công nghiệp	296	2		298	124	41,89	
	- Trung tâm phát triển quỹ đất	621	3		624	293	47,18	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp văn xã</b>	<b>192.908</b>	<b>40.589</b>	<b>500</b>	<b>232.997</b>	<b>97.703</b>	<b>50,65</b>	<b>107,79</b>
	- SN khoa học công nghệ & MT	220			220		0,00	
	- SN hoạt động môi trường	1.400			1.400	323	23,07	21,07
	- Chi sự nghiệp giáo dục	185.285	10.000		195.285	84.488	45,60	112,24
	- Chi sự nghiệp đào tạo (TTBDCT)	836	48		884	423	50,60	151,61
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.604	1	500	1.105	370	23,07	54,49
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	571	1		572	350	61,30	209,58
	- Chi sự nghiệp truyền thanh	884	3		887	337	38,12	109,06
	- Văn phòng đăng ký QSD đất	683	3		686	211	30,89	101,44
	- Hội chữ thập đỏ	425	1		426	159	37,41	116,91
	- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội (chưa kể tính trợ cấp xã hội theo ND 67&13/ND-CP)	1.000	30.532		31.532	11.042	1.104,2	91,57
<b>3</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>27.525</b>	<b>1.161</b>	<b>0</b>	<b>28.686</b>	<b>12.026</b>	<b>43,69</b>	<b>127,72</b>
a	Chi quản lý Nhà nước	15.695	828	0	16.523	5.790	36,89	117,70
	- VPHĐND&UBND+VP I cửa	4.493	45		4.538	1.604	35,70	119,70
	- Thanh Tra	1.085	13		1.098	433	39,91	109,34

Số T T	Nội dung chi	Dự toán năm 2014			Thực hiện 6 tháng đầu năm	Tỷ lệ % so sánh		
		Dự toán đầu năm	Dự kiến điều chỉnh			Tổng dự toán	TH/ DT	TH/ Cùng kỳ
			tăng	giảm				
	- Phòng Tư pháp	569	12		581	223	39,19	167,67
	- Phòng Nội vụ	1.999	60		2.059	669	33,47	100,60
	- Phòng Lao động TBXH	817	27		844	349	42,72	126,91
	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.073	25		2.098	479	23,11	112,18
	- Phòng Nông nghiệp và PTNT	956	19		975	594	62,13	161,41
	- Phòng Kinh tế & Hạ tầng	914	61		975	439	48,01	97,29
	- Phòng Tài nguyên & Môi trường	801	24		825	301	37,58	98,37
	- Phòng Giáo dục	608	19		627	355	58,39	162,10
	- Phòng Y tế	529	8		537	167	31,57	132,54
	- Phòng Văn hóa thông tin	851	515		1.366	177	20,80	83,10
b	Khối Đảng	7.750	211		7.961	4.415	56,97	145,85
c	Khối Đoàn thể	4.080	122	0	4.202	1.821	44,63	123,88
	+ Mặt trận TQVN	1.211	26		1.237	584	48,22	137,74
	+ Hội Cựu chiến binh	432	28		460	205	47,45	114,53
	+ Hội Nông dân	716	23		739	338	47,21	112,67
	+ Hội Phụ nữ	733	21		754	258	35,20	99,23
	+ Huyện đoàn	988	24		1.012	436	44,13	142,02
4	Chi An ninh - Quốc phòng	2.120	245	0	2.365	1.478	69,72	133,39
	+ Chi An ninh	200	230		430	308	154,00	231,58
	+ Chi Quốc phòng	1.920	15		1.935	1.170	60,94	120,00
5	Chi khác ngân sách	2.240			2.240		0,00	0,00
III	Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	760	1.085	0	1.845	175	23,03	16,13
	- Thu học phí	760			760			
	- Thu đóng góp xây dựng CSHT		1.085		1.085	175		
IV	Dự phòng chi	5.280			5.280		0,00	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>287.758</b>	<b>138.727</b>	<b>500</b>	<b>425.985</b>	<b>124.675</b>	<b>43,33</b>	<b>109,97</b>

**DỰ KIẾN ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN  
6 THÁNG CUỐI NĂM VÀ CẢ NĂM 2014 HUYỆN TUY PHƯỚC**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Số T T	Nội dung chi	Dự toán đầu năm 2014	Dự kiến ước thực hiện 2014			Tỷ lệ % So sánh UTH/DT
			6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Chi NS cả năm	
A	B	1	2	3	4=2+3	5=4/1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>287.758</b>	<b>124.675</b>	<b>301.310</b>	<b>425.985</b>	<b>148,04</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>49.438</b>	<b>10.500</b>	<b>123.773</b>	<b>134.273</b>	<b>271,60</b>
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất	41.000	9.143	41.857	51.000	124,39
2	Nguồn chuyển nguồn		900	63.935	64.835	
3	Nguồn kết dư			0	0	
4	Nguồn đầu tư từ NS tỉnh	8.438	457	7.981	8.438	
5	Nguồn khác	0	0	10.000	10.000	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>232.280</b>	<b>114.000</b>	<b>170.587</b>	<b>284.587</b>	<b>122,52</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>7.487</b>	<b>2.793</b>	<b>15.506</b>	<b>18.299</b>	<b>244,41</b>
	- Trám khuyến nông - kinh tế	850	191	6.606	6.797	799,59
	- Sự nghiệp giao thông	250		250	250	100,00
	- Sự nghiệp thủy lợi	100	1.830	3.112	4.942	4.942,00
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	950	355	614	969	102,00
	- Sự nghiệp kinh tế khác	720		720	720	100,00
	- Chi qui hoạch từ tiền SDD	3.700		3.700	3.700	100,00
	- Ban QL các cụm công nghiệp	296	124	174	298	100,51
	- Trung tâm phát triển quỹ đất	621	293	331	624	100,53
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp văn xã</b>	<b>192.908</b>	<b>97.703</b>	<b>135.294</b>	<b>232.997</b>	<b>120,78</b>
	- SN khoa học công nghệ & MT	220		220	220	100,00
	- SN hoạt động môi trường	1.400	323	1.077	1.400	100,00
	- Chi sự nghiệp giáo dục	185.285	84.488	110.797	195.285	105,40
	- Chi sự nghiệp đào tạo (TTBDCT)	836	423	461	884	105,68
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.604	370	735	1.105	68,92
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao	571	350	222	572	100,21
	- Chi sự nghiệp truyền thanh	884	337	550	887	100,31
	- Văn phòng đăng ký QSD đất	683	211	475	686	100,44
	- Hội chữ thập đỏ	425	159	267	426	100,28
	- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	1.000	11.042	20.490	31.532	3.153,20
<b>3</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>27.525</b>	<b>12.026</b>	<b>16.660</b>	<b>28.686</b>	<b>104,22</b>
a	Chi quản lý Nhà nước	15.695	5.790	10.733	16.523	105,27



Số T T	Nội dung chi	Dự toán đầu năm 2014	Dự kiến ước thực hiện 2014			Tỷ lệ %
			6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Chi NS cả năm	So sánh UTH/DT
	- VPHĐND&UBND+VP 1 cửa	4.493	1.604	2.934	4.538	100,99
	- Thanh Tra	1.085	433	665	1.098	101,20
	- Phòng Tư pháp	569	223	358	581	102,11
	- Phòng Nội vụ	1.999	669	1.390	2.059	103,00
	- Phòng Lao động TBXH	817	349	495	844	103,30
	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.073	479	1.619	2.098	101,21
	- Phòng Nông nghiệp và PTNT	956	594	381	975	101,99
	- Phòng Kinh tế & Hạ tầng	914	439	536	975	106,67
	- Phòng Tài nguyên & Môi trường	801	301	524	825	103,00
	- Phòng Giáo dục	608	355	272	627	103,13
	- Phòng Y tế	529	167	370	537	101,51
	- Phòng Văn hóa thông tin	851	177	1.189	1.366	160,52
b	Khối Đảng	7.750	4.415	3.546	7.961	102,72
c	Khối Đoàn thể	4.080	1.821	2.381	4.202	102,99
	+ Mặt trận TQVN	1.211	584	653	1.237	102,15
	+ Hội Cựu chiến binh	432	205	255	460	106,48
	+ Hội Nông dân	716	338	401	739	103,21
	+ Hội Phụ nữ	733	258	496	754	102,86
	+ Huyện đoàn	988	436	576	1.012	102,43
<b>4</b>	<b>Chi An ninh - Quốc phòng</b>	<b>2.120</b>	<b>1.478</b>	<b>887</b>	<b>2.365</b>	<b>111,56</b>
	+ Chi An ninh	200	308	122	430	215,00
	+ Chi Quốc phòng	1.920	1.170	750	1.920	100,00
<b>5</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>2.240</b>		<b>2.240</b>	<b>2.240</b>	<b>100,00</b>
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>	<b>760</b>	<b>175</b>	<b>1.670</b>	<b>1.845</b>	<b>242,76</b>
	- Thu học phí	760		760	760	100,00
	- Thu đóng góp xây dựng CSHT		175	910	1.085	
<b>IV</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>5.280</b>		<b>5.280</b>	<b>5.280</b>	<b>100,00</b>
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung ngân sách cấp dưới</b>	<b>33.975</b>	<b>21.464</b>	<b>25.511</b>	<b>46.975</b>	<b>138,26</b>
1	- Chi cân đối	33.975	17.060	16.915	33.975	100,00
2	- Chi mục tiêu		4.404	8.596	13.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>321.733</b>	<b>146.139</b>	<b>326.821</b>	<b>472.960</b>	<b>286,30</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN 6 THÁNG NĂM 2014**  
( Phần Ngân sách xã , thị trấn hưởng trong cân đối , không kể trợ cấp NS cấp huyện )

*ĐVT: Triệu đồng*

Số TT	Đơn vị	KH 2014 Phân CĐ số thu NS xã, TT	Kết quả thực hiện các khoản thu trong cân đối Ngân sách															Thu Trợ cấp ngân sách			
			Tổng số		CTN-NQĐ		Thuế NDĐất, PNN		Tiền SDĐ		LPTBa		Phí và l.phí		Thu # NS		Để lại	Tổng	Trong đó		%
			Số thu	TH/ KH	Số thu	TH/ KH	Số thu	TH/ KH	Số thu	TH/ KH	Số thu	TH/ KH	Số thu	TH/ DK	Số thu	TH/ KH	Số thu	số	Cân đối NS	Mục tiêu	TH/ KH
1	Phước Hưng	2.862,0	309	10,8	87,2	50,1	0,9	4,1	27,0	1,8	9,0	90,0	17,1	26,3	164,9	18,3	2,6	1.280	1.200	80,0	50,4
2	Phước Quang	3.209,0	190	5,9	48,5	79,8	0,2	1,1	46,0	1,9	3,0	20,0	28,5	54,8	64,1	10,0	0,0	1.674	1.614	60,0	51,8
3	Phước Thắng	2.097,0	454	21,6	30,0	147,1	0,0	0,0	314,3	104,8	4,0	80,0	28,4	47,3	77,0	4,7	0,0	1.579	1.040	539,0	75,9
4	Phước Hoà	5.416,0	485	9,0	79,4	52,5	0,0	0,0	0,0	0,0	33,0	47,1	40,0	43,5	325,0	49,2	7,7	3.011	1.836	1.175,0	82,0
5	Phước Sơn	7.258,0	1.679	23,1	159,9	48,3	0,2	0,7	947,0	22,5	13,6	22,7	95,6	53,7	462,3	16,1	0,0	1.563	483	1.080,0	161,8
6	Phước Thuận	1.737,0	1.095	63,0	56,8	71,2	0,0	0,0	758,3	21,1	11,6	38,7	9,8	19,6	258,2	19,1	0,0	2.137	1.482	655,0	95,2
7	Phước Hiệp	1.147,0	450	39,3	34,4	54,5	0,9	5,0	385,7	32,1	14,4	72,0	15,0	50,0	0,0	0,0	0,0	2.222	1.587	635,0	70,0
8	Phước Nghĩa	3.435,0	372	10,8	25,6	60,0	6,0	85,7	12,1	0,4	0,9	4,5	3,7	37,0	208,7	69,6	115,2	1.501	1.481	20,0	50,7
9	Phước Lộc	5.233,0	3.328	63,6	323,6	40,7	12,3	15,8	2.502,3	69,5	80,2	133,7	49,7	35,5	23,6	4,4	336,0	1.481	1.341	140,0	55,2
10	Phước An	3.594,0	938	26,1	139,5	11,3	26,1	118,6	519,2	17,3	26,3	75,1	24,4	23,7	0,0	0,0	202,6	869	869	0,0	41,7
11	Phước Thành	1.818,0	446	24,5	150,7	238,8	0,0	0,0	108,3	9,0	26,2	131,0	12,7	42,3	148,3	21,2	0,0	1.466	1.466	0,0	46,1
12	TTĐiêu Trì	2.490,0	1.094	43,9	716,0	897,2	22,3	106,2	194,5	5,4	115,7	385,7	29,5	59,0	15,3	1,1	0,7	1.201	1.201	0,0	53,5
13	TT Tuy Phước	2.283,0	786	34,4	277,1	83,7	108,5	361,7	158,3	3,8	57,5	95,8	44,0	24,7	140,7	4,9	0,3	1.480	1.460	20,0	153,2
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>42.579,0</b>	<b>11.626</b>	<b>27,3</b>	<b>2.128,7</b>	<b>62,2</b>	<b>177,4</b>	<b>55,8</b>	<b>5.973,0</b>	<b>16,5</b>	<b>395,4</b>	<b>90,9</b>	<b>398,4</b>	<b>38,4</b>	<b>1.888,1</b>	<b>12,5</b>	<b>665,1</b>	<b>21.464</b>	<b>17.060</b>	<b>4.404</b>	<b>67,0</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC

TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN 6 THÁNG NĂM 2014

ĐVT : Triệu đồng .

Số TT	ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN NĂM 2014			Tổng số chi	Số thực hiện					TH/KH		
		Tổng số	Chi đầu tư	Chi TX		Chi đầu tư	Chi TX			Chi để lại QLNS	Tổng	Đầu tư	TX
							Tổng Số	lương & P cấp	hoạt động				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=6/3	13=7/4	14=8/5
1	Phước Hưng	5.101	1.500	3.601	3.136,7	829,3	2.304,8	1.264,6	1.040,2	2,6	61,5	55,3	64,0
2	Phước Quang	6.310	2.400	3.910	2.613,2	188,0	2.425,2	1.415,0	1.010,2	0,0	41,4	7,8	62,0
3	Phước Thắng	4.043	300	3.743	2.581,0	95,4	2.485,6	1.267,5	1.218,1	0,0	63,8	31,8	66,4
4	Phước Hoà	8.742	4.200	4.542	3.133,0	316,0	2.809,3	1.396,1	1.413,2	7,7	35,8	7,5	61,9
5	Phước Sơn	8.477	4.200	4.277	3.905,8	989,2	2.916,6	647,6	2.269,0	0,0	46,1	23,6	68,2
6	Phước Thuận	7.290	3.600	3.690	2.960,7	559,1	2.401,6	1.427,5	974,1	0,0	40,6	15,5	65,1
7	Phước Hiệp	5.117	1.200	3.917	3.203,1	628,7	2.574,4	1.260,5	1.313,9	0,0	62,6	52,4	65,7
8	Phước Nghĩa	6.319	3.100	3.219	2.052,0	100,0	1.836,8	984,1	852,7	115,2	32,5	3,2	57,1
9	Phước Lộc	7.797	3.600	4.197	5.790,5	3.026,5	2.428,0	1.440,3	987,7	336,0	74,3	84,1	57,9
10	Phước An	6.952	3.000	3.952	3.568,1	1.045,6	2.319,9	1.374,9	945,0	202,6	51,3	34,9	58,7
11	Phước Thành	5.424	2.000	3.424	2.112,6	0,0	2.112,6	1.123,0	989,6	0,0	38,9	0,0	61,7
12	TTDiêu Trì	4.337	600	3.737	2.162,2	0,0	2.161,5	1.132,6	1.028,9	0,7	49,9	0,0	57,8
13	TT Tuy Phước	4.389	600	3.789	2.848,3	222,2	2.625,8	1.221,4	1.404,4	0,3	64,9	37,0	69,3
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>80.298</b>	<b>30.300</b>	<b>49.998</b>	<b>40.067,2</b>	<b>8.000,0</b>	<b>31.402,1</b>	<b>15.955,1</b>	<b>15.447,0</b>	<b>665,1</b>	<b>49,9</b>	<b>26,4</b>	<b>62,8</b>